

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

---

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 44

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lạng Sơn theo Quyết định số 2438/QĐ - UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900101738 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03 tháng 01 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.098.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ không trăm chín mươi tám triệu đồng).

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là phân phối nước sạch.

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Nguyễn Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT
Vũ Văn Bình	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT (i) (đến ngày 06/05/2019)
Linh Thị Huệ	Thành viên HĐQT
Nguyễn Hữu Chung	Thành viên HĐQT
Phương Mạnh Hào	Thành viên HĐQT
Trần Quang Huy	Thành viên HĐQT (i) (từ ngày 06/05/2019)
Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên ngày 06/05/2019 về việc thông qua kết quả Bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024.

Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Ho và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Vũ Văn Bình	Giám đốc
Nguyễn Văn Cảnh	Phó giám đốc (i)
Phương Mạnh Hào	Phó giám đốc (i) (từ ngày 01/08/2019)
Trần Quang Huy	Phó giám đốc (i) (từ ngày 01/08/2019)
Trương Thị Thu Hải	Phó giám đốc
Linh Thị Huệ	Kế toán trưởng

(i) Theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 23/07/2019 của Hội đồng Quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc Công ty

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Đào Duy Hưng	Trưởng ban kiểm soát (i) (từ ngày 06/05/2019)
Lê Văn Thanh	Trưởng ban kiểm soát (i) (đến ngày 06/05/2019)
Hồ Cảnh Hội	Thành viên
Ngô An Linh	Thành viên

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên ngày 06/05/2019 về việc thông qua kết quả bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2024.

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Lãnh đạo Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

#### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Lãnh đạo**

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch



Nguyễn Văn Quyết

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2020

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

Vũ Văn Bình

Số: 31/2020/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn và được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



  
Nguyễn Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0909-2018-242-1

  
Trịnh Thu Huyền  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2993-2019-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>68.113.455.379</b>	<b>58.414.804.837</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>36.103.524.329</b>	<b>37.757.110.919</b>
1. Tiền	111		32.844.970.052	24.392.681.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.258.554.277	13.364.429.876
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.350.040.042</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.5	4.350.040.042	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.033.480.649</b>	<b>10.596.610.603</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.640.340.319	7.961.698.491
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.282.352.002	1.859.199.824
3. Các khoản phải thu khác	136	5.6	2.214.711.534	879.635.494
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(103.923.206)	(103.923.206)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.463.073.133</b>	<b>9.751.580.471</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	7.463.073.133	9.751.580.471
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.163.337.226</b>	<b>309.502.844</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	663.178.703	180.734.799
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		430.273.444	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		69.885.079	128.768.045
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>97.787.986.994</b>	<b>96.965.264.558</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>79.722.179.936</b>	<b>81.739.749.667</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	78.905.973.517	80.820.639.012
- Nguyên giá	222		153.134.843.606	149.590.701.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.228.870.089)	(68.770.062.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	816.206.419	919.110.655
- Nguyên giá	228		2.231.747.523	2.231.747.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.415.541.104)	(1.312.636.868)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>17.388.169.745</b>	<b>14.343.837.424</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	17.388.169.745	14.343.837.424
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>677.637.313</b>	<b>881.677.467</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.4	677.637.313	881.677.467
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>165.901.442.373</b>	<b>155.380.069.395</b>

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>108.809.681.360</b>	<b>99.516.047.668</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>107.142.513.360</b>	<b>95.927.279.668</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.364.006.379	8.708.592.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.930.423.390	2.394.602.881
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	3.070.777.817	2.424.577.148
4. Phải trả người lao động	314		7.589.888.688	9.034.724.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	890.971.324	1.114.275.416
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	82.529.109.757	69.169.756.999
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	1.321.600.000	2.651.100.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		445.736.005	429.650.033
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.667.168.000</b>	<b>3.588.768.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	1.667.168.000	3.588.768.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>57.091.761.013</b>	<b>55.864.021.727</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>57.091.761.013</b>	<b>55.864.021.727</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.098.000.000	50.098.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.098.000.000	50.098.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.969.205.272	1.644.205.272
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		5.024.555.741	4.121.816.455
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.730.483	4.730.483
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.019.825.258	4.117.085.972
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>165.901.442.373</b>	<b>155.380.069.395</b>

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập



Linh Thị Huệ

Kế toán trưởng



Linh Thị Huệ



Nguyễn Văn Quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mẫu số B 02 – DN

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	132.921.851.331	127.471.886.594
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	53.135.065	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		132.868.716.266	127.471.886.594
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	105.096.581.604	95.321.251.926
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.772.134.662	32.150.634.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	609.644.739	487.515.888
7. Chi phí tài chính	22	6.5	488.543.356	435.663.154
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		488.543.356	435.663.154
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	7.049.491.726	7.363.365.820
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	16.923.944.801	18.861.979.856
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.919.799.518	5.977.141.726
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.498.175.047	-
12. Chi phí khác	32	6.7	37.981.121	800.087.826
13. Lợi nhuận khác	40		2.460.193.926	(800.087.826)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.379.993.444	5.177.053.900
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.360.168.186	1.059.967.928
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.019.825.258	4.117.085.972
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.11	1.002,00	584,85
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		1.002,00	584,85

Người lập



Linh Thị Huệ

Kế toán trưởng



Linh Thị Huệ

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT




Nguyễn Văn Quyết

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		145.989.004.857	124.298.264.228
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(60.314.911.398)	(11.704.149.696)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39.160.604.300)	(77.726.814.052)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(488.543.356)	(435.663.154)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.139.722.721)	(1.045.312.309)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.008.813.329	7.729.065.223
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.698.626.410)	(9.812.187.081)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25.195.410.001</b>	<b>31.303.203.159</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.602.541.330)	(14.136.730.056)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		609.644.739	487.511.248
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(20.992.896.591)</b>	<b>(13.649.218.808)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	250.000.000	2.278.708.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(3.501.100.000)	(3.587.699.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.605.000.000)	(1.923.820.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.856.100.000)</b>	<b>(3.232.811.050)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(1.653.586.590)</b>	<b>14.421.173.301</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>37.757.110.919</b>	<b>23.335.937.618</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>36.103.524.329</b>	<b>37.757.110.919</b>

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Linh Thị Huệ



Linh Thị Huệ


  
 Nguyễn Văn Quyết

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là một Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Lạng Sơn theo quyết định số 2438/QĐ – UBND ngày 12/11/2008 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4900101738 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 10 tháng 04 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03 tháng 01 năm 2017.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.098.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ, không trăm chín mươi tám triệu đồng*).

##### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là khai thác và phân phối nước sạch.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng các công trình dân dụng; xây dựng đường ống cấp thoát nước;
- Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; thiết kế hệ thống cấp thoát nước;
- Theo dõi giám sát thi công hệ thống cấp thoát nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Hoạt động vệ sinh môi trường, vệ sinh khai thông cống rãnh, bồn nước, hút cầu hầm;
- Trồng hoa cây cảnh, cây xanh đô thị, lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị;
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng (bùn đất, rác thải đô thị); xử lý và tiêu thụ rác thải không độc hại.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

##### Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quan hệ
Chi nhánh Thoát nước Đô thị	Số 54, Đường Đinh Tiên Hoàng – P. Chi Lăng, tp. Lạng Sơn – tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty
Chi nhánh Xây lắp Điện nước	Số 54, Đường Đinh Tiên Hoàng – P. Chi Lăng, tp. Lạng Sơn – tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty
Chi nhánh Tư vấn Xây dựng Công trình	Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tp. Lạng Sơn – tỉnh Lạng Sơn	Chi nhánh Công ty

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại: Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

#### 4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền theo tháng
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### 4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**4.5.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 12/04/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị	03 - 10 năm

**4.5.2. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 12/04/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- Quyền sử dụng đất	10 - 25 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	08 - 25 năm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 - DN

**4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lý kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành..

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.10. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí lãi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí lãi vay.

**4.11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.13. Doanh thu**

**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d) Thu nhập khác**

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.14. Chi phí tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.15. Thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty là 10% và 5%.

**Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.17. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

#### 4.18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.19. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại mục thuyết minh số 7.4

#### 4.20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh nước sạch, xây lắp, hàng hóa và dịch vụ

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì doanh thu của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực địa bàn tỉnh Lạng Sơn

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Tiền mặt	797.939.530	786.984.917
Tiền gửi ngân hàng	30.657.313.522	23.605.696.126
Tiền đang chuyển	1.389.717.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	3.258.554.277	13.364.429.876
<b>Cộng</b>	<b>36.103.524.329</b>	<b>37.757.110.919</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn với lãi suất 5,75%/năm.

<b>5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>9.640.340.319</b>	<b>7.961.698.491</b>
- Phòng Quản lý Đô thị (Tiền trồng cây xanh)	3.531.884.000	4.060.678.000
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Hữu Lũng	686.604.000	756.691.000
- Sở Xây dựng (Khối lượng thoát nước Đô thị)	436.046.000	747.104.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.985.806.319	2.397.225.491
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-

<b>5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>7.282.352.002</b>	<b>1.859.199.824</b>
- Công ty Cổ phần thiết bị xử lý nước SETFIL	1.755.900.000	1.755.900.000
- Công ty cổ phần Xây dựng Mỹ Sơn	3.682.646.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.843.806.002	103.299.824
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

<b>5.4 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>663.178.703</b>	<b>180.734.799</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	663.178.703	180.734.799
<b>b) Dài hạn</b>	<b>677.637.313</b>	<b>881.677.467</b>
- Chi phí thuê đất tại cụm công nghiệp địa phương	662.233.600	678.789.440
- Các khoản khác	15.403.713	202.888.027
<b>Cộng</b>	<b>1.340.816.016</b>	<b>1.062.412.266</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

**5.5 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.350.040.042	-
<b>Cộng</b>	<b>4.350.040.042</b>	<b>-</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng TMCP Quân đội - CN Lạng Sơn, lãi suất 5,2 %/năm

**5.6 . PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.214.711.534</b>	-	<b>879.635.494</b>	-
- Tạm ứng	1.735.697.420	-	609.597.420	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	70.885.550	-	-	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư Nợ)	154.094.417	-	148.964.840	-
- Phải thu khác	254.034.147	-	121.073.234	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				

**5.7 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2.791.971.976	-	3.606.105.094	-
Công cụ, dụng cụ	929.869.293	-	683.071.339	-
Chi phí SXKD dở dang	3.738.787.541	-	5.455.848.638	-
Thành phẩm nhập kho	2.444.323	-	6.555.400	-
<b>Cộng</b>	<b>7.463.073.133</b>	-	<b>9.751.580.471</b>	-

**5.8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Tuyến ống khu TĐC Bà Triệu - Thác Mạ	-	-	2.084.812.508	2.084.812.508
- Công trình: Xây dựng Trụ sở làm việc Chi nhánh xây lắp điện nước và Chi nhánh thoát nước đô thị	4.598.004.546	4.598.004.546	-	-
- Công trình nâng cấp, sửa chữa Hệ thống cấp nước sạch TT Lộc Bình, TT Na Dương, cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình	-	-	5.935.134.000	5.935.134.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI  
HẠN (tiếp)**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
- Dự án dịch chuyển ống D280, D160 khu ĐT phía Đông TP (Xã Mai Pha) - GĐ I)	560.932.574	560.932.574	-	-
- Công trình nâng cấp và sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt các TT Đình Lập, Bình Gia, Bắc Sơn, Thất Khê, Na Sầm và CK Tân Thanh	1.781.036.000	1.781.036.000	4.810.874.000	4.810.874.000
- Công trình: Mở rộng nâng cấp hệ thống cấp nước Khu vực CK Chi Ma và CNSH cho các thôn Nà Phát, Nà Quân, xã Yên Khoái, LB (Nguồn KH 2018)	5.808.516.000	5.808.516.000	-	-
- Công trình: XD thêm hệ thống lắng lọc trạm H9 - Mai Pha	3.562.829.091	3.562.829.091	-	-
- Công trình xây dựng cơ bản dở dang khác	1.076.851.534	1.076.851.534	1.513.016.916	1.513.016.916
<b>Cộng</b>	<b>17.388.169.745</b>	<b>17.388.169.745</b>	<b>14.343.837.424</b>	<b>14.343.837.424</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

**5.8 . NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Khách hàng nước nhỏ lẻ	103.923.206	-	(103.923.206)	103.923.206	-	(103.923.206)
		-	-		-	-
<b>Cộng</b>	<b>103.923.206</b>	<b>-</b>	<b>(103.923.206)</b>	<b>103.923.206</b>	<b>-</b>	<b>(103.923.206)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	52.548.751.774	33.240.338.881	59.175.340.974	4.626.269.841		149.590.701.470
Tăng trong năm	1.307.552.436	1.898.053.490	16.656.183.670		640.975.455	20.502.765.051
- Mua trong năm			341.120.545			341.120.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	283.184.455	1.898.053.490	4.348.072.069			6.529.310.014
- Tăng khác	1.024.367.981		11.966.991.056		640.975.455	13.632.334.492
Giảm trong năm	3.335.724.000	9.560.685.529		4.062.213.386		16.958.622.915
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác	3.335.724.000	9.560.685.529		4.062.213.386		16.958.622.915
Số dư cuối năm	50.520.580.210	25.577.706.842	75.831.524.644	564.056.455	640.975.455	153.134.843.606
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	19.385.706.070	13.489.245.258	34.482.416.925	1.412.694.205		68.770.062.458
Tăng trong năm	2.374.450.657	3.239.416.248	6.472.750.087	86.589.291	389.508.284	12.562.714.568
- Số khấu hao trong năm	2.374.450.657	1.419.889.763	3.574.412.913	86.589.291	72.072.549	7.527.415.173
- Tăng khác		1.819.526.485	2.898.337.175		317.435.735	5.035.299.395
Giảm trong năm	5.804.558.173			1.299.348.764		7.103.906.937
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác	5.804.558.173			1.299.348.764		7.103.906.937
Số dư cuối năm	15.955.598.554	16.728.661.506	40.955.167.012	199.934.732	389.508.284	74.228.870.089
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	33.163.045.704	19.751.093.623	24.692.924.049	3.213.575.636		80.820.639.012
2. Tại ngày cuối năm	34.564.981.656	8.849.045.336	34.876.357.632	364.121.723	251.467.171	78.905.973.517
• Giá trị còn lại của Tài sản tại ngày cuối năm đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:						9.633.196.876
• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						30.539.084.699

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

24

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	285.679.639			1.946.067.884		<b>2.231.747.523</b>
Tăng trong năm						
Giảm trong năm						
Số dư cuối năm	285.679.639			1.946.067.884		<b>2.231.747.523</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	116.324.916			1.196.311.952		<b>1.312.636.868</b>
Tăng trong năm	47.054.097			73.042.715		<b>120.096.812</b>
- Số khấu hao trong năm	29.861.521			73.042.715		<b>102.904.236</b>
- Tăng khác	17.192.576					<b>17.192.576</b>
Giảm trong năm				17.192.576		<b>17.192.576</b>
- Giảm khác				17.192.576		<b>17.192.576</b>
Số dư cuối năm	163.379.013			1.252.162.091		<b>1.415.541.104</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	169.354.723			749.755.932		<b>919.110.655</b>
2. Tại ngày cuối năm	122.300.626			693.905.793		<b>816.206.419</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.364.006.379</b>	<b>8.364.006.379</b>	<b>8.708.592.858</b>	<b>8.708.592.858</b>
- Công ty Cổ phần Thiết bị tự động hóa SETFIL Việt Nam	68.285.000	68.285.000	251.135.198	251.135.198
- Bùi Ngọc Tuyền	590.993.092	590.993.092	1.230.772.000	1.230.772.000
- Công ty CP Thương mại và Đầu tư Xây dựng Dung Linh	2.184.119.498	2.184.119.498	1.579.998.500	1.579.998.500
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Hợp tác đầu tư	129.061.000	129.061.000	179.061.000	179.061.000
- Công ty Cổ phần thiết bị và Công nghệ ECO Việt Nam	1.090.608.000	1.090.608.000	-	-
- Cửa hàng may đo X81	-	-	282.375.000	282.375.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	4.300.939.789	4.300.939.789	5.185.251.160	5.185.251.160
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	<b>2.069.476.000</b>	<b>2.069.476.000</b>
- Chi nhánh Xây lắp Điện nước - Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	-	-	2.069.476.000	2.069.476.000

**5.12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>2.930.423.390</b>	<b>2.930.423.390</b>	<b>2.394.602.881</b>	<b>2.394.602.881</b>
- Ban quản lý dự án huyện Đình Lập	420.632.000	420.632.000	-	-
- Trung tâm xã Văn Lãng	1.274.000.000	1.274.000.000	730.000.000	730.000.000
- Ban quản lý dự án huyện Hữu Lũng	203.840.000	203.840.000	203.840.000	203.840.000
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cao Lộc	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Đối tượng khác	731.951.390	731.951.390	1.160.762.881	1.160.762.881
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>				
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****a) Phải nộp**

- Thuế GTGT
- Thuế TNDN
- Thuế tài nguyên
- Các khoản phí, lệ phí

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
	<b>2.424.577.148</b>	<b>17.221.923.799</b>	<b>16.575.723.130</b>	<b>3.070.777.817</b>
- Thuế GTGT	420.655.156	3.265.706.015	3.016.773.498	669.587.673
- Thuế TNDN	662.885.856	1.348.906.181	1.139.722.721	872.069.316
- Thuế tài nguyên	116.984.330	1.647.706.490	1.647.004.580	117.686.240
- Các khoản phí, lệ phí	1.224.051.806	10.959.605.113	10.772.222.331	1.411.434.588
	<b>Đầu năm</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thu trong năm</b>	<b>Cuối năm</b>
	<b>128.768.045</b>	<b>64.876.892</b>	<b>123.759.858</b>	<b>69.885.079</b>
- Thuế TNDN	24.681.386	-	11.262.005	13.419.381
- Thuế TNCN	104.086.659	64.876.892	112.497.853	56.465.698

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>1.321.600.000</b>	<b>1.321.600.000</b>	<b>2.171.600.000</b>	<b>3.501.100.000</b>	<b>2.651.100.000</b>	<b>2.651.100.000</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Các khoản vay cá nhân	-	-	250.000.000	629.500.000	379.500.000	379.500.000
<b>Vay dài hạn tới hạn trả</b>						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lạng Sơn (1)	-	-	-	950.000.000	950.000.000	950.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (2)	400.000.000	400.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	400.000.000	400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Lạng Sơn (3)	921.600.000	921.600.000	921.600.000	921.600.000	921.600.000	921.600.000

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>1.667.168.000</b>	<b>1.667.168.000</b>	-	<b>1.921.600.000</b>	<b>3.588.768.000</b>	<b>3.588.768.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Lạng Sơn (2)	899.208.000	899.208.000	-	1.000.000.000	1.899.208.000	1.899.208.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Lạng Sơn (3)	767.960.000	767.960.000	-	921.600.000	1.689.560.000	1.689.560.000
<b>Cộng</b>	<b>1.667.168.000</b>	<b>1.667.168.000</b>	-	<b>1.921.600.000</b>	<b>3.588.768.000</b>	<b>3.588.768.000</b>

Chi tiết các khoản vay:

(1): là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng TDH số 224/2015/HDTDDH-PN/SHB.110700 ngày 05/10/2015:

- Số tiền vay: 4.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Đầu tư công trình cải tạo nâng cấp tuyến ống nước đường Hùng Vương, Văn Vĩ, Đèo Giang, Trần Quang Khải - thành phố Lạng Sơn;

- Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên;

- Tài sản bảo đảm: Thẻ chấp 01 tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của khách hàng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 091003, số vào sổ cấp GCN: CT - 03317 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 08/10/2015 cho Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn.

(2): là khoản vay theo hai Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 05/02/2013 và Hợp đồng tín dụng số 01/2017/704665/HĐTD ngày 19/01/2017:

\* Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐ ngày 05/02/2013:

- Số tiền vay: 20.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Đầu tư dự án Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (giai đoạn 1);

- Lãi suất: 11%/ năm;

- Tài sản bảo đảm: Công trình xây dựng, hệ thống đường ống dẫn, thiết bị và các hạng mục khác thuộc Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Giá trị: 33.808.174.000 VND. Giấy tờ gốc: Quyết định số 598/QĐ-CTN ngày 25/09/2013 của Giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Hệ thống cấp nước thành phố Lạng Sơn, công suất Q=10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

\* Hợp đồng tín dụng số 01/2017/704665/HĐTD ngày 19/01/2017:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

- Số tiền vay: 5.000.000.000 VND
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Công ty.
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của Công ty theo các hợp đồng thế chấp đã ký giữa Bên vay và Ngân hàng.

(3): là khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 23221.17.515.3528209.TD ngày 23/10/2017:

- Số tiền vay: 4.030.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp tuyến ống nước đường Bà Triệu, thành phố Lạng Sơn;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Hệ thống hạ tầng tuyến ống cấp nước đường Bà Triệu, thành phố Lạng Sơn theo Giấy phép thi công số 20/GPTC-UBND ngày 01/06/2017 do UBND thành phố Lạng Sơn cấp cho Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn. Giá trị xác định: 6.223.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

**5.15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ****a) Ngắn hạn**

- Trích trước tiền phụ cấp BQL công tác thoát nước
- Trích trước phí kiểm toán
- Trích trước chi phí sửa chữa
- Các khoản chi phí trích trước

**Cộng**

	Cuối năm	Đầu năm
	<b>890.971.324</b>	<b>1.114.275.416</b>
	370.638.000	399.262.000
	100.000.000	100.000.000
	109.517.273	228.730.000
	310.816.051	386.283.416
	<b>890.971.324</b>	<b>1.114.275.416</b>

**5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC****a) Ngắn hạn**

- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Phải trả, phải nộp khác
- + Nguồn kinh phí các dự án ĐTXDCB do NSNN cấp
- + Bồi thường tiền đất dự án Pò Mỏ
- + Dự án cấp nước cửa khẩu Nà Nưa, Huyện Tràng Định
- + Phải trả về khấu hao tình bàn giao
- + Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lạng Sơn
- + Tiền thu từ thoái vốn nhà nước
- + Phải trả đối tượng khác
- Phải thu khác

**b) Dài hạn****c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Cuối năm	Đầu năm
	<b>82.529.109.757</b>	<b>69.169.756.999</b>
	175.166.525	73.435.427
	187.015.316	103.670.436
	39.553.297	23.945.824
	21.674.439	11.269.454
	81.974.484.145	68.957.435.858
	766.629.357	766.629.357
	18.471.536.801	18.471.536.801
	-	163.588.000
	46.153.205.388	43.848.644.743
	707.405.016	4.861.247.234
	14.770.130.594	-
	1.105.576.989	845.789.723
	131.216.035	-
	-	-
	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

**5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	50.098.000.000	242.599.661.778	1.644.205.272	3.619.002.218	297.960.869.268
Lãi trong năm trước				4.117.085.972	4.117.085.972
Tăng khác		59.217.302.779			59.217.302.779
Phân phối lợi nhuận				3.614.271.735	3.614.271.735
Giảm khác		301.816.964.557			301.816.964.557
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.644.205.272</b>	<b>4.121.816.455</b>	<b>55.864.021.727</b>
Lãi trong năm nay				5.019.825.258	5.019.825.258
Tăng khác			325.000.000		325.000.000
Phân phối lợi nhuận (*)				4.117.085.972	4.117.085.972
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>50.098.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.969.205.272</b>	<b>5.024.555.741</b>	<b>57.091.761.013</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 06/05/2019

**Chi tiết:**

- Cổ tức chi trả cho các cổ đông	2.605.000.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.147.085.972
- Quỹ ban điều hành doanh nghiệp	40.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	325.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.117.085.972</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm
Vốn góp của nhà nước	36,00%	18.035.280.000
Bà Trần Đa Linh	15,19%	7.610.700.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Đầu tư Thịnh Phát	9,98%	4.999.780.400
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	20,10%	10.069.698.000
Ông Nguyễn Hữu Chung	14,37%	7.200.000.000
Các đối tượng khác	4,36%	2.182.541.600
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>50.098.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.098.000.000	50.098.000.000
- Vốn góp cuối năm	50.098.000.000	50.098.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.605.000.000	3.614.271.735

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.009.800	5.009.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.009.800	5.009.800
- Cổ phiếu phổ thông	5.009.800	5.009.800
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.009.800	5.009.800
- Cổ phiếu phổ thông	5.009.800	5.009.800
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.002,00	584,85

**đ) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.969.205.272	1.644.205.272

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

**5.18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**Tài sản nhà nước giao quản lý**

Tài sản được nhà nước giao quản lý theo Hợp đồng số 188a/HĐ-STC về quản lý, sử dụng tài sản là hệ thống cấp nước tại các huyện và thành phố năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn và Sở tài chính tỉnh Lạng Sơn ngày 29/01/2018. Theo đó, hai bên thỏa thuận ký hợp đồng với những nội dung về đối tượng và nội dung quản lý như sau:

- + Tên tài sản: Nhà cửa, máy móc thiết bị, hệ thống cấp nước, giếng bơm ở các huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
- + Số lượng: Gồm tài sản ở các huyện, thành phố và các cửa khẩu.
- + Tình trạng tài sản: Hiện nay Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn đang quản lý và sử dụng sản xuất kinh doanh nước sạch.
- + Hàng năm, Công ty CP Cấp thoát nước Lạng Sơn thực hiện trích nộp vào NSNN tiền trích khấu hao TSCĐ đối với những tài sản thuộc các công trình thủy lợi phải trích khấu hao theo quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

Đến thời điểm 31/12/2019, các tài sản trên được theo dõi ngoài Bảng cân đối kế toán, cụ thể như sau:

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	dụng cụ quản lý	
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	83.992.377.430	61.098.034.859	166.665.042.654	35.510.900	<b>311.790.965.843</b>
Tăng trong năm	13.321.626.520	30.128.230.991	12.418.948.000		<b>55.868.805.511</b>
- Tăng khác	13.321.626.520	30.128.230.991	12.418.948.000		<b>55.868.805.511</b>
Giảm trong năm			43.449.857.511		<b>43.449.857.511</b>
- Giảm khác			43.449.857.511		<b>43.449.857.511</b>
Số dư cuối năm	97.314.003.950	91.226.265.850	135.634.133.143	35.510.900	<b>324.209.913.843</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.907.711.261	20.706.000.483	25.932.824.082	35.510.900	<b>54.582.046.726</b>
Tăng trong năm	6.378.303.336	5.354.268.233	6.863.130.508		<b>18.595.702.077</b>
- Số khấu hao trong năm	2.873.117.475	5.354.268.233	6.863.130.508		<b>15.090.516.217</b>
- Tăng khác	3.505.185.860				<b>3.505.185.860</b>
Giảm trong năm		2.364.247.301	1.153.225.988		<b>3.517.473.288</b>
- Giảm khác		2.364.247.301	1.153.225.988		<b>3.517.473.288</b>
Số dư cuối năm	14.286.014.597	23.696.021.416	31.642.728.603	35.510.900	<b>69.660.275.515</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	76.084.666.169	40.392.034.376	140.732.218.572		<b>257.208.919.117</b>
2. Tại ngày cuối năm	83.027.989.354	67.530.244.434	103.991.404.540		<b>254.549.638.328</b>

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu	<b>132.921.851.331</b>	<b>127.471.886.594</b>
Doanh thu từ thu tiền nước	91.212.235.857	86.393.300.138
Doanh thu lắp đặt	33.248.003.454	35.665.190.187
Doanh thu bán hàng hóa	3.447.189.623	4.549.005.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.014.422.397	864.390.909
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>132.921.851.331</b>	<b>127.471.886.594</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	53.135.065	-
<b>Cộng</b>	<b>53.135.065</b>	<b>-</b>
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn tiền nước	68.090.271.096	60.413.714.513
Giá vốn phần lắp đặt	30.894.819.030	30.672.063.561
Giá vốn của hàng hóa	4.022.896.422	3.426.229.165
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.088.595.056	809.244.687
<b>Cộng</b>	<b>105.096.581.604</b>	<b>95.321.251.926</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	609.644.739	487.515.888
<b>Cộng</b>	<b>609.644.739</b>	<b>487.515.888</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay	488.543.356	435.663.154
<b>Cộng</b>	<b>488.543.356</b>	<b>435.663.154</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Tiền thu từ bồi thường, hỗ trợ	2.486.071.870	-
- Các khoản khác	12.103.177	-
<b>Cộng</b>	<b>2.498.175.047</b>	<b>-</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Các khoản chi phí khác	37.981.121	122.785.740
- Lỗ từ hoạt động thanh lý	-	677.302.086
+ Giá trị lợi thế thương mại	-	1.760.985.419
+ Giá trị được đền bù	-	1.083.683.333
<b>Cộng</b>	<b>37.981.121</b>	<b>800.087.826</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm nay	Năm trước
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>16.923.944.801</b>	<b>18.861.979.856</b>
Chi phí nhân viên	8.875.965.665	9.064.851.129
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	561.841.471	729.698.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.752.986.327	1.931.167.839
Thuế, phí, lệ phí	1.194.940.360	2.205.887.477
Dự phòng phải thu khó đòi	-	60.364.332
Chi phí khác bằng tiền	4.538.210.978	4.870.010.190
<b>b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>7.049.491.726</b>	<b>7.363.365.820</b>
Chi phí nhân viên	6.065.001.801	6.084.400.853
Chi phí nguyên vật liệu	-	223.900.000
Chi phí bán hàng khác	984.489.925	1.055.064.967
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.244.224.025	17.007.269.669
Chi phí nhân công	75.616.381.514	42.311.589.216
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.720.835.626	21.323.427.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.693.106.771	18.490.722.383
Thuế, phí, lệ phí	1.194.940.360	2.205.887.477
Chi phí bằng tiền khác	10.225.115.756	14.282.339.522
<b>Cộng</b>	<b>126.694.604.052</b>	<b>115.621.235.749</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.379.993.444	5.177.053.900
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	420.847.485	122.785.740
+ Chi phí không được trừ	420.847.485	122.785.740
Tổng thu nhập chịu thuế	6.800.840.929	5.299.839.640
Thu nhập chịu thuế 20%	6.800.840.929	5.299.839.640
Thuế TNDN hiện hành	1.360.168.186	1.059.967.928
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.019.825.258	4.117.085.972

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**6.11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	5.019.825.258	4.117.085.972
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	1.187.085.972
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	5.019.825.258	2.930.000.000
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.009.800	5.009.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b><u>1.002,00</u></b>	<b><u>584,85</u></b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh do trong năm đơn vị thực hiện phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 06/05/2019

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

**Năm nay**

250.000.000

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

**Năm nay**

3.501.100.000

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch	Xây lắp	Hàng hoá, dịch vụ	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	91.159.100.792	33.248.003.454	8.461.612.020	132.868.716.266
Giá vốn hàng bán	68.090.271.096	30.894.819.030	6.111.491.478	105.096.581.604
<b>Lợi nhuận gộp theo bộ phận</b>	<b>23.068.829.696</b>	<b>2.353.184.424</b>	<b>2.350.120.542</b>	<b>27.772.134.662</b>
Tổng tài sản				165.901.442.373
Nợ phải trả				108.809.681.360
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				22.399.345.585
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				23.171.268.851
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu) (tiếp theo)**

Năm trước

Chỉ tiêu	Kinh doanh nước sạch	Xây lắp	Hàng hoá, dịch vụ	Tổng cộng
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.393.300.138	35.665.190.187	5.413.396.269	127.471.886.594
Giá vốn hàng bán	60.413.714.513	30.672.063.561	4.235.473.852	95.321.251.926
<b>Lợi nhuận gộp theo bộ phận</b>	<b>25.979.585.625</b>	<b>4.993.126.626</b>	<b>1.177.922.417</b>	<b>32.150.634.668</b>
Tổng tài sản				155.380.069.395
Nợ phải trả				99.516.047.668
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				14.136.730.056
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				23.696.891.698
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				-

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì doanh thu của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.4 . Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Lãnh đạo thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Lãnh đạo xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

<b>Cuối năm</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>47.958.576.182</b>		<b>47.958.576.182</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.103.524.329		36.103.524.329
Phải thu khách hàng	9.640.340.319		9.640.340.319
Phải thu khác	2.214.711.534		2.214.711.534
<b>Trừ:</b>	<b>(103.923.206)</b>		<b>(103.923.206)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(103.923.206)		(103.923.206)
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.854.652.976</b>		<b>47.854.652.976</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Các khoản vay và nợ	1.321.600.000	1.667.168.000	2.988.768.000
Phải trả người bán	8.364.006.379		8.364.006.379
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	83.420.081.081		83.420.081.081
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.105.687.460</b>	<b>1.667.168.000</b>	<b>94.772.855.460</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(45.251.034.484)</b>	<b>(1.667.168.000)</b>	<b>(46.918.202.484)</b>
<b>Đầu năm</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>46.598.444.904</b>		<b>46.598.444.904</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.757.110.919		37.757.110.919
Phải thu khách hàng	7.961.698.491		7.961.698.491
Phải thu khác	879.635.494		879.635.494
<b>Trừ:</b>	<b>(103.923.206)</b>		<b>(103.923.206)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(103.923.206)		(103.923.206)
<b>Tổng cộng</b>	<b>46.494.521.698</b>		<b>46.494.521.698</b>
Các khoản vay và nợ	2.651.100.000	3.588.768.000	6.239.868.000
Phải trả người bán	8.708.592.858		8.708.592.858
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	70.284.032.415		70.284.032.415
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.643.725.273</b>	<b>3.588.768.000</b>	<b>85.232.493.273</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(35.149.203.575)</b>	<b>(3.588.768.000)</b>	<b>(38.737.971.575)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.350.040.042	-	4.350.040.042	-
Các khoản cho vay và phải thu	9.640.340.319	7.961.698.491	9.536.417.113	7.857.775.285
Trả trước cho người bán và phải thu khác	9.497.063.536	2.738.835.318	9.497.063.536	2.738.835.318
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.103.524.329	37.757.110.919	36.103.524.329	37.757.110.919
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.590.968.226</b>	<b>48.457.644.728</b>	<b>59.487.045.020</b>	<b>48.353.721.522</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	2.988.768.000	6.239.868.000	2.988.768.000	6.239.868.000
Phải trả người bán	8.364.006.379	8.708.592.858	8.364.006.379	8.708.592.858
Phải trả khác và người mua trả tiền trước	85.459.533.147	71.564.359.880	85.459.533.147	71.564.359.880
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.812.307.526</b>	<b>86.512.820.738</b>	<b>96.812.307.526</b>	<b>86.512.820.738</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Ông Nguyễn Văn Quyết  
 Ông Vũ Văn Bính  
 Ông Nguyễn Văn Cảnh  
 Bà Linh Thị Huệ  
 Ông Nguyễn Hữu Chung  
 Ông Phương Mạnh Hào  
 Bà Nông Thị Thanh Vân  
 Bà Trương Thị Thu Hải  
 Ông Lê Văn Thanh  
 Ông Đào Duy Hưng  
 Ông Hồ Cảnh Hội  
 Ông Ngô An Linh  
 Ông Trần Quang Huy

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT  
 Thành viên HĐQT/ Giám đốc  
 Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc  
 Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT/ Phó giám đốc  
 Thành viên HĐQT  
 Phó giám đốc  
 Trưởng ban Kiểm soát  
 Trưởng ban Kiểm soát  
 Thành viên ban kiểm soát  
 Thành viên ban kiểm soát  
 Phó giám đốc

**b) Thu nhập trong năm của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Nguyễn Văn Quyết	Chủ tịch HĐQT	482.089.363
Vũ Văn Bính	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	432.589.350
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc	239.169.338
Linh Thị Huệ	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	299.548.125
Nguyễn Hữu Chung	Thành viên HĐQT	72.000.000
Phương Mạnh Hào	Thành viên HĐQT/ Phó giám đốc	150.890.443
Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	72.000.000
Trương Thị Thu Hải	Phó giám đốc	357.349.325
Lê Văn Thanh	Trưởng ban Kiểm soát	190.344.313
Đào Duy Hưng	Trưởng ban Kiểm soát	172.909.259
Hồ Cảnh Hội	Thành viên ban kiểm soát	158.024.894
Ngô An Linh	Thành viên ban kiểm soát	129.003.282
Trần Quang Huy	Phó giám đốc	207.351.775
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.963.269.467</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LẠNG SƠN**

Số 14/10, Đường Lê Đại Hành, Phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

**8.6 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**8.7 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.8 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Kế toán trưởng

Linh Thị Huệ

Linh Thị Huệ

Lạng Sơn, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Quyết

